SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 1
Khối 10-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027
MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	50000002	Lê Nguyễn Hoài	An	02/06/2011	Nam	10/2	
2	50000003	Ngô Thị Trâm	Anh	22/07/2011	Nữ	10/3	
3	50000004	Nguyễn Hà Ngọc	Anh	10/11/2011	Nữ	10/3	
4	50000006	Phạm Nguyễn Hồng	Anh	09/09/2011	Nam	10/3	
5	50000007	Phạm Quỳnh	Anh	23/06/2011	Nữ	10/1	
6	50000008	Tạ Hiền	Anh	21/05/2011	Nữ	10/1	
7	50000010	Võ Thị Ngọc	Ánh	28/10/2011	Nữ	10/1	
8	50000011	Lê Đình Thiên	Ân	21/01/2011	Nam	10/4	
9	50000012	Dương Quốc	Bảo	10/10/2011	Nam	10/4	
10	50000013	Đoàn Lê Gia	Bảo	10/12/2011	Nam	10/4	
11	50000014	Huỳnh Tấn Thiên	Bảo	09/03/2011	Nam	10/4	
12	50000016	Nguyễn Gia	Bảo	09/06/2011	Nam	10/2	
13	50000017	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	30/11/2011	Nam	10/1	
14	50000018	Trần Châu Thái	Bảo	29/10/2011	Nam	10/4	
15	50000019	Trần Đinh Gia	Bảo	12/09/2011	Nam	10/2	
16	50000020	Trần Gia	Bảo	30/01/2011	Nam	10/1	
17	50000021	Võ Nguyễn Thái	Bảo	15/05/2011	Nam	10/7	
18	50000022	Đoàn An	Bình	21/09/2011	Nam	10/4	
19	50000023	Trần Xuân	Cảnh	10/12/2011	Nam	10/3	
20	50000024	Nguyễn Lê Bảo	Châu	17/09/2011	Nữ	10/4	
21	50000025	Phạm Ngô Ngọc	Châu	23/04/2011	Nữ	10/8	
22	50000026	Phạm Trần Quỳnh	Châu	10/08/2011	Nữ	10/4	
23	50000027	Huỳnh Thị Kim	Chi	30/10/2011	Nữ	10/3	
24	50000029	Bùi Quốc	Chính	06/01/2011	Nam	10/7	
25	50000032	Phạm Văn	Chương	12/03/2011	Nam	10/8	
26	50000033	Võ Công	Danh	07/08/2011	Nam	10/7	
27	50000034	Vũ Đăng	Danh	01/03/2011	Nam	10/1	
28	50000036	Trương Hoàng Hiền	Diệu	03/10/2011	Nữ	10/7	
29	50000038	Đinh Nhật	Duy	08/07/2011	Nam	10/1	

Danh sách này có 29 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 2
Khối 10-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027
MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	50000039	Hoàng Bảo	Duy	02/12/2011	Nam	10/4	
2	50000040	Huỳnh Ngọc	Duy	11/11/2011	Nam	10/8	
3	50000041	Lê Nguyễn Đức	Duy	17/06/2011	Nam	10/3	
4	50000042	Nguyễn Đặng Thanh	Duy	08/07/2011	Nam	10/7	
5	50000043	Nguyễn Quốc	Duy	02/01/2011	Nam	10/1	
6	50000044	Nguyễn Thanh	Duy	28/11/2011	Nam	10/2	
7	50000047	Nguyễn Thị Hải	Dương	13/08/2011	Nữ	10/3	
8	50000048	Nguyễn Văn Gia	Đạo	15/03/2011	Nam	10/7	
9	50000049	Trần Ngọc Nhân	Đạo	31/07/2011	Nam	10/2	
10	50000050	Hoàng Thành	Đạt	29/04/2011	Nam	10/4	
11	50000051	Huỳnh Văn	Đạt	18/09/2011	Nam	10/4	
12	50000052	Trương Hoàng	Điểm	11/07/2011	Nam	10/3	
13	50000053	Nguyễn Thị Hà	Giang	30/05/2011	Nữ	10/8	
14	50000054	Lê Trần Khải	Hà	21/06/2011	Nam	10/1	
15	50000055	Nguyễn Thị Việt	Hà	27/12/2011	Nữ	10/7	
16	50000056	Ung Nho	Hải	03/03/2011	Nam	10/2	
17	50000059	Lê Khải	Hân	23/06/2011	Nữ	10/8	
18	50000060	Nguyễn Ngọc	Hân	22/01/2011	Nữ	10/8	
19	50000061	Nguyễn Thị Diệu	Hân	14/07/2011	Nữ	10/8	
20	50000062	Đinh Lê Anh	Hậu	02/11/2011	Nam	10/7	
21	50000065	Nguyễn Thị Thu	Hiền	09/11/2011	Nữ	10/7	
22	50000066	Hà Văn	Hiếu	01/03/2011	Nam	10/8	
23	50000068	Nguyễn Thị Thu	Hiếu	05/07/2011	Nữ	10/3	
24	50000069	Nguyễn Trọng	Hiếu	16/08/2011	Nam	10/7	
25	50000071	Nguyễn Kim	Hòa	24/08/2011	Nữ	10/1	
26	50000072	Đinh Văn	Hoàn	15/06/2011	Nam	10/2	
27	50000073	Huỳnh Duy	Hoàng	06/10/2011	Nam	10/4	
28	50000075	Nguyễn Văn	Hợp	29/04/2011	Nam	10/8	
29	50000076	Nguyễn Thị Kim	Huệ	23/05/2011	Nữ	10/1	

Danh sách này có 29 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 3
Khối 10-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027
MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	50000077	Đoàn Văn	Huy	06/12/2011	Nam	10/1	
2	50000078	Nguyễn Đức	Huy	13/03/2011	Nam	10/1	
3	50000079	Nguyễn Gia	Huy	02/05/2011	Nam	10/3	
4	50000080	Phạm Lê Công	Huy	23/12/2011	Nam	10/1	
5	50000081	Trần Gia	Huy	04/12/2011	Nam	10/7	
6	50000084	Nguyễn Thị Thu	Huyền	20/05/2011	Nữ	10/2	
7	50000085	Hồ Thanh	Hưng	02/07/2010	Nam	10/8	
8	50000086	Hồ Thị Quỳnh	Hương	21/09/2011	Nữ	10/3	
9	50000087	Nguyễn Thanh	Kha	27/10/2011	Nam	10/4	
10	50000088	Lê Hồ Văn	Khải	27/09/2011	Nam	10/4	
11	50000089	Huỳnh Ngọc Bảo	Khanh	14/06/2011	Nam	10/3	
12	50000090	Nguyễn Lương Quốc	Khánh	02/09/2011	Nam	10/8	
13	50000092	Đoàn Huỳnh Đăng	Khoa	26/08/2011	Nam	10/8	
14	50000093	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	20/11/2011	Nam	10/2	
15	50000096	Võ Anh	Khoa	29/07/2011	Nam	10/7	
16	50000097	Lê Đăng	Khôi	05/09/2011	Nam	10/3	
17	50000098	Phạm Hoàng	Khôi	27/01/2011	Nam	10/1	
18	50000101	Đỗ Trung	Kiên	24/08/2011	Nam	10/3	
19	50000102	Nguyễn Trung	Kiên	27/12/2011	Nam	10/8	
20	50000103	Phan Chí	Kiên	30/03/2011	Nam	10/8	
21	50000107	Lê Thị Hoàn	Kim	21/08/2011	Nữ	10/8	
22	50000110	Nguyễn Phương	Lan	20/08/2011	Nữ	10/2	
23	50000111	Phạm Thị Ngọc	Lan	15/09/2011	Nữ	10/7	
24	50000112	Nguyễn Đức Hàn	Lâm	15/06/2011	Nam	10/3	
25	50000113	Võ Hoàng	Lâm	13/07/2011	Nam	10/3	
26	50000114	Bùi Thị Mỹ	Lệ	15/06/2011	Nữ	10/7	
27	50000115	Dương Thị Thùy	Linh	24/02/2011	Nữ	10/8	
28	50000116	Hồ Thị Mỹ	Linh	26/07/2011	Nữ	10/7	
29	50000117	Huỳnh Gia	Linh	19/12/2011	Nữ	10/3	
30	50000119	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	12/09/2011	Nữ	10/2	

Danh sách này có 30 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 4
Khối 10-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027
MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	50000120	Nguyễn Hồ Trúc	Linh	02/01/2011	Nữ	10/7	
2	50000121	Nguyễn Khánh	Linh	19/01/2011	Nữ	10/1	
3	50000122	Nguyễn Phương	Linh	03/08/2011	Nữ	10/3	
4	50000123	Nguyễn Thị Diệu	Linh	08/04/2011	Nữ	10/8	
5	50000124	Tăng Ngọc Thùy	Linh	12/01/2011	Nữ	10/3	
6	50000126	Trương Thị Nhật	Linh	29/10/2011	Nữ	10/2	
7	50000127	Võ Thùy	Linh	09/09/2011	Nữ	10/4	
8	50000128	Hồ Bảo	Long	09/04/2011	Nam	10/4	
9	50000129	Huỳnh Bàng Phi	Long	21/01/2011	Nam	10/2	
10	50000130	Mai Nguyễn Thiên	Long	23/02/2011	Nam	10/2	
11	50000131	Nguyễn Hồ Bảo	Long	22/06/2011	Nam	10/7	
12	50000133	Nguyễn Doãn	Lộc	15/06/2011	Nam	10/8	
13	50000134	Trần Châu Thái	Lộc	29/10/2011	Nam	10/3	
14	50000135	Võ Quang	Lộc	26/07/2011	Nam	10/2	
15	50000136	Huỳnh Kim	Ly	10/05/2011	Nữ	10/8	
16	50000137	Huỳnh Ngọc Ý	Ly	11/05/2011	Nữ	10/2	
17	50000138	Nguyễn Thị Thảo	Ly	23/06/2011	Nữ	10/1	
18	50000139	Phan Hồng Khánh	Ly	03/04/2011	Nữ	10/4	
19	50000142	Nguyễn Tấn	Mạnh	09/04/2011	Nam	10/3	
20	50000143	Châu Triệu	Mẫn	09/12/2011	Nữ	10/8	
21	50000144	Trương Hoài	Mi	28/10/2011	Nữ	10/4	
22	50000145	Lê Nhật	Minh	14/02/2011	Nam	10/7	
23	50000146	Nguyễn Tấn	Minh	15/06/2011	Nam	10/4	
24	50000147	Võ Tấn	Minh	03/09/2011	Nam	10/1	
25	50000148	Bùi Nguyễn Hạ	My	25/10/2011	Nữ	10/7	
26	50000149	Huỳnh Thạch Trà	My	11/11/2011	Nữ	10/8	
27	50000152	Thái Thị Hạ	My	10/05/2011	Nữ	10/2	
28	50000153	Trần Thị Diễm	My	04/12/2011	Nữ	10/8	
29	50000154	Đinh Thị Hồng	Na	06/06/2011	Nữ	10/2	
30	50000158	Nguyễn Nhật	Nam	03/04/2011	Nam	10/4	

Danh sách này có 30 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 5
Khối 10-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027
MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	50000159	Võ Đức	Nam	02/12/2011	Nam	10/4	
2	50000160	Nguyễn Phương	Nga	15/09/2011	Nữ	10/4	
3	50000161	Đỗ Vĩnh Thiên	Ngân	20/02/2011	Nữ	10/8	
4	50000163	Huỳnh Thị Bảo	Ngân	24/02/2011	Nữ	10/8	
5	50000164	Huỳnh Thị Kim	Ngân	07/06/2011	Nữ	10/8	
6	50000167	Nguyễn Thục	Ngân	11/11/2011	Nữ	10/1	
7	50000168	Đoàn Văn Hoàng	Nghi	22/07/2011	Nam	10/2	
8	50000169	Đoàn Duy	Nghĩa	30/03/2011	Nam	10/2	
9	50000171	Nguyễn Văn	Nghĩa	13/10/2011	Nam	10/1	
10	50000172	Trương Ái	Nghĩa	16/02/2011	Nữ	10/8	
11	50000174	Nguyễn Thanh	Nghiêm	11/07/2011	Nam	10/3	
12	50000175	Huỳnh Thị Bích	Ngọc	28/11/2011	Nữ	10/7	
13	50000176	Huỳnh Thị Kim	Ngọc	03/08/2011	Nữ	10/7	
14	50000178	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	11/06/2011	Nữ	10/3	
15	50000179	Nguyễn Vũ Hoàng	Ngọc	13/12/2011	Nữ	10/4	
16	50000180	Hoàng Xuân	Nguyên	31/03/2011	Nam	10/7	
17	50000181	Hồ Quốc	Nguyên	09/07/2011	Nam	10/3	
18	50000182	Huỳnh Thị Lệ	Nguyên	28/08/2011	Nữ	10/2	
19	50000183	Nguyễn Ngọc	Nguyên	17/07/2011	Nam	10/4	
20	50000184	Nguyễn Phạm Trung	Nguyên	09/09/2011	Nam	10/4	
21	50000185	Trương Phước	Nguyên	04/12/2011	Nam	10/3	
22	50000187	Trần Thị Ánh	Nguyệt	26/03/2011	Nữ	10/2	
23	50000188	Huỳnh Phước	Nhã	12/06/2011	Nam	10/2	
24	50000189	Huỳnh Ngọc Thiện	Nhân	08/02/2011	Nam	10/3	
25	50000190	Phạm Đình	Nhân	07/08/2011	Nam	10/4	
26	50000192	Nguyễn Ngọc	Nhẫn	25/03/2011	Nam	10/3	
27	50000193	Dương Nguyễn Minh	Nhật	24/05/2011	Nam	10/8	
28	50000194	Huỳnh Quang	Nhật	25/02/2011	Nam	10/2	
29	50000195	Nguyễn Thanh	Nhật	03/03/2011	Nam	10/3	
30	50000197	Nguyễn Vũ Linh	Nhi	29/04/2011	Nữ	10/2	

Danh sách này có 30 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 6
Khối 10-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027
MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	50000198	Phạm Thị Ái	Nhi	25/02/2011	Nữ	10/4	
2	50000199	Phan Thị Tuyết	Nhi	02/12/2011	Nữ	10/8	
3	50000200	Tào Thị Yến	Nhi	09/01/2011	Nữ	10/8	
4	50000202	Trần Nguyễn Yến	Nhi	17/03/2011	Nữ	10/8	
5	50000207	Trần Thị Yến	Như	08/06/2011	Nữ	10/8	
6	50000208	Võ Quỳnh	Như	01/10/2011	Nữ	10/4	
7	50000209	Phạm Thị Kiều	Oanh	07/09/2011	Nữ	10/7	
8	50000210	Nguyễn Lê	Pháp	03/01/2011	Nam	10/1	
9	50000211	Bùi Văn	Phi	21/03/2011	Nam	10/1	
10	50000212	Đỗ Hoàng	Phi	18/04/2011	Nam	10/1	
11	50000215	Trần Hoàng Thiên	Phú	19/11/2011	Nam	10/1	
12	50000216	Trần Văn	Phú	12/11/2011	Nam	10/2	
13	50000217	Bùi Văn Bảo	Phúc	25/05/2011	Nam	10/8	
14	50000218	Đinh Nguyên Gia	Phúc	28/09/2011	Nữ	10/1	
15	50000219	Đoàn Duy	Phúc	28/05/2011	Nam	10/7	
16	50000220	Huỳnh Lê Hữu	Phúc	10/05/2011	Nam	10/3	
17	50000221	Huỳnh Thiên	Phúc	25/12/2011	Nam	10/8	
18	50000222	Phạm Nguyễn Thiên	Phúc	19/05/2011	Nam	10/4	
19	50000223	Phan Nguyễn Gia	Phúc	10/09/2011	Nam	10/4	
20	50000224	Huỳnh Thị Thanh	Phương	02/05/2011	Nữ	10/3	
21	50000225	Vũ Ngọc Thùy	Phương	30/06/2011	Nữ	10/4	
22	50000226	Vũ Thị Minh	Phương	05/05/2011	Nữ	10/7	
23	50000227	Hồ Thị Thu	Phượng	30/09/2011	Nữ	10/8	
24	50000228	Trần Tiến	Quan	11/04/2011	Nam	10/2	
25	50000229	Đoàn Văn Phú	Quốc	21/03/2011	Nam	10/8	
26	50000230	Nguyễn Duy	Quốc	25/08/2011	Nam	10/2	
27	50000231	Lê Thị Bảo	Quyên	23/02/2011	Nữ	10/1	
28	50000232	Lương Trần Bảo	Quyên	08/04/2011	Nữ	10/4	
29	50000233	Trần Nguyễn Hạ	Quyên	26/04/2011	Nữ	10/2	
30	50000234	Lê Thị Như	Quỳnh	16/03/2011	Nữ	10/4	

Danh sách này có 30 thí sinh./.

SỞ GIÁO DỤC THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 7
Khối 10-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027
MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	50000235	Nguyễn Kiều Diễm	Quỳnh	17/05/2011	Nữ	10/4	
2	50000236	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	08/06/2011	Nữ	10/8	
3	50000237	Trần Thị Như	Quỳnh	04/07/2011	Nữ	10/2	
4	50000238	Trần Thị Kim	Sang	05/09/2011	Nữ	10/1	
5	50000239	Võ Nguyễn Hoàng	Sang	10/04/2011	Nữ	10/8	
6	50000241	Phạm Thái	Sơn	24/10/2011	Nam	10/1	
7	50000242	Nguyễn Thu	Sương	27/11/2011	Nữ	10/7	
8	50000243	Nguyễn Xuân	Tân	08/12/2011	Nữ	10/4	
9	50000244	Huỳnh Bá	Tần	14/01/2011	Nam	10/1	
10	50000245	Ngô Quốc	Thạch	24/11/2011	Nam	10/3	
11	50000247	Võ Quang	Thái	20/05/2011	Nam	10/7	
12	50000249	Nguyễn Nhật	Thành	30/08/2011	Nam	10/2	
13	50000250	Võ Nguyên	Thành	08/11/2011	Nam	10/7	
14	50000251	Đặng Thị Kim	Thảo	30/10/2011	Nữ	10/1	
15	50000252	Đinh Thị Thu	Thảo	24/09/2011	Nữ	10/8	
16	50000253	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	26/01/2011	Nữ	10/2	
17	50000255	Huỳnh Thị	Thắm	02/09/2011	Nữ	10/4	
18	50000256	Lê Thị	Thắng	24/11/2011	Nữ	10/4	
19	50000257	Nguyễn Việt	Thắng	02/05/2011	Nam	10/7	
20	50000258	Nguyễn Hoàng	Thiên	23/12/2011	Nam	10/2	
21	50000259	Phạm Đình	Thiên	03/11/2011	Nam	10/8	
22	50000260	Võ Văn Trường	Thiên	06/07/2011	Nam	10/1	
23	50000261	Hồ Tấn	Thiện	05/10/2011	Nam	10/4	
24	50000262	Võ Công	Thiện	13/11/2011	Nam	10/1	
25	50000263	Võ Quy	Thiệp	19/02/2011	Nam	10/8	
26	50000266	Ung Nho	Thuận	22/09/2011	Nam	10/3	
27	50000267	Nguyễn Thị Phương	Thuý	17/05/2011	Nữ	10/2	
28	50000268	Lê Nguyễn Anh	Thư	08/09/2011	Nữ	10/1	
29	50000269	Lê Trần Minh	Thư	30/10/2011	Nữ	10/4	
30	50000272	Trần Minh Khánh	Thư	02/10/2011	Nữ	10/7	

Danh sách này có 30 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 8
Khối 10-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027
MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	50000273	Trương Nguyễn Anh	Thư	08/10/2011	Nữ	10/2	
2	50000274	Vũ Minh	Thư	29/07/2011	Nữ	10/7	
3	50000275	Võ Thy	Thy	12/04/2011	Nữ	10/3	
4	50000276	Bùi Nguyễn Thủy	Tiên	02/04/2011	Nữ	10/2	
5	50000277	Cao Thị Thủy	Tiên	31/03/2011	Nữ	10/7	
6	50000278	Lê Thị Thủy	Tiên	06/08/2011	Nữ	10/2	
7	50000279	Nguyễn Hoàng Thủy	Tiên	11/08/2011	Nữ	10/1	
8	50000282	Phạm Thanh	Tiền	13/09/2011	Nữ	10/7	
9	50000283	Nguyễn Văn	Tin	31/05/2011	Nam	10/7	
10	50000285	Võ Ngọc	Tĩnh	24/10/2011	Nam	10/2	
11	50000286	Huỳnh Thị Thanh	Trà	05/10/2011	Nữ	10/4	
12	50000288	Nguyễn Thị Xuân	Trà	05/11/2011	Nữ	10/7	
13	50000289	Nguyễn Thị Thùy	Trang	08/09/2011	Nữ	10/7	
14	50000292	Lê Huyền Bảo	Trâm	01/03/2011	Nữ	10/7	
15	50000294	Phan Thị Bảo	Trâm	10/02/2011	Nữ	10/3	
16	50000297	Võ Thị Thuỳ	Trâm	31/05/2011	Nữ	10/3	
17	50000299	Huỳnh Ngọc Bảo	Trân	25/06/2011	Nữ	10/3	
18	50000300	Bùi Đức	Trí	15/01/2011	Nam	10/1	
19	50000301	Nguyễn Trần Thanh	Trí	04/12/2011	Nam	10/2	
20	50000302	Hoàng Kiều	Trinh	04/06/2011	Nữ	10/3	
21	50000303	Phan Thị Thuỳ	Trinh	01/05/2011	Nữ	10/7	
22	50000305	Cao Phùng Mỹ	Trúc	02/09/2011	Nữ	10/4	
23	50000307	Nguyễn Thanh	Trúc	26/04/2011	Nữ	10/3	
24	50000311	Trịnh Đức	Trung	28/03/2011	Nam	10/3	
25	50000312	Phạm Công	Trứ	13/09/2011	Nam	10/8	
26	50000315	Nguyễn Phạm Đình	Tú	22/06/2011	Nam	10/1	
27	50000316	Nguyễn Phạm Đình	Tuấn	22/06/2011	Nam	10/3	
28	50000317	Trần Anh	Tuấn	15/12/2011	Nam	10/1	
29	50000318	Nguyễn Đinh Sơn	Tùng	25/09/2011	Nam	10/3	
30	50000319	Nguyễn Quang	Tùng	06/02/2011	Nam	10/7	

Danh sách này có 30 thí sinh./.

SỞ GD&ĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 9
Khối 10-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027
MÔN: CÔNG NGHỆ CÔNG NGHIỆP

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	50000320	Phan Thanh	Tùng	14/04/2011	Nam	10/2	
2	50000322	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	16/03/2011	Nữ	10/7	
3	50000323	Phạm Ngọc Lâm	Tuyền	03/10/2011	Nữ	10/2	
4	50000324	Nguyễn Thị Cát	Tường	11/08/2011	Nữ	10/1	
5	50000325	Nguyễn Thị Cát	Tường	10/11/2011	Nữ	10/8	
6	50000326	Trần Gia	Tường	13/07/2011	Nam	10/7	
7	50000327	Đỗ Huỳnh Xuân	Uyên	19/02/2011	Nữ	10/7	
8	50000328	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	21/05/2011	Nữ	10/3	
9	50000330	Đinh Thị Mỹ	Vân	07/08/2011	Nữ	10/1	
10	50000331	Trần Hoàng Thuý	Vân	17/05/2011	Nữ	10/2	
11	50000332	Nguyễn Văn	Vấn	13/11/2011	Nam	10/8	
12	50000333	Đoàn Thị Yến	Vi	13/06/2011	Nữ	10/7	
13	50000336	Võ Thành	Viên	04/02/2011	Nam	10/2	
14	50000337	Bùi Quốc	Việt	03/06/2011	Nam	10/8	
15	50000339	Đoàn Quang	Vin	23/09/2011	Nam	10/8	
16	50000341	Huỳnh Quang	Vinh	16/04/2011	Nam	10/1	
17	50000342	Huỳnh Quang	Vinh	29/10/2011	Nam	10/4	
18	50000343	Nguyễn Quang	Vinh	06/09/2011	Nam	10/2	
19	50000344	Nguyễn Lê Quốc	Vương	21/11/2011	Nam	10/8	
20	50000346	Bùi Thị Thanh	Vy	16/02/2011	Nữ	10/4	
21	50000349	Lê Tường	Vy	31/12/2011	Nữ	10/4	
22	50000350	Trần Lương Hà	Vy	25/05/2011	Nữ	10/1	
23	50000351	Võ Thị Kim	Vy	03/10/2011	Nữ	10/1	
24	50000352	Võ Thị Tường	Vy	27/09/2011	Nữ	10/2	
25	50000353	Võ Trần Phương	Vy	10/04/2011	Nữ	10/1	
26	50000354	Nguyễn Chí	Vỹ	13/06/2011	Nam	10/7	
27	50000355	Nguyễn Thị	Xuân	10/11/2011	Nữ	10/1	
28	50000357	Đặng Thị Ngọc	Yến	22/07/2011	Nữ	10/3	
29	50000358	Đinh Hoàng Phi	Yến	25/08/2011	Nữ	10/3	
30	50000359	Võ Thị Kim	Yến	09/07/2011	Nữ	10/7	

Danh sách này có 30 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 10

Khối 10-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027

MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	50000001	Trịnh Thị Thùy	Ái	07/09/2011	Nữ	10/6	
2	50000005	Nguyễn Võ Kim	Anh	26/07/2011	Nữ	10/5	
3	50000009	Nguyễn Ngọc	Ánh	26/10/2011	Nam	10/6	
4	50000015	Lê Gia	Bảo	09/02/2011	Nam	10/5	
5	50000028	Nguyễn Thị Linh	Chi	07/04/2011	Nữ	10/5	
6	50000030	Bùi Văn	Chương	20/04/2011	Nam	10/6	
7	50000031	Phạm Văn	Chương	03/01/2011	Nam	10/5	
8	50000035	Võ Thị Mai	Diệp	26/02/2011	Nữ	10/5	
9	50000037	Nguyễn Quang	Dũng	08/09/2011	Nam	10/6	
10	50000045	Phan Đình Khương	Duy	11/11/2011	Nam	10/6	
11	50000046	Nguyễn Cao Kỳ	Duyên	18/07/2011	Nữ	10/6	
12	50000057	Phan Thị Thúy	Hằng	12/01/2011	Nữ	10/6	
13	50000058	Võ Thị Thúy	Hằng	20/07/2011	Nữ	10/5	
14	50000063	Nguyễn Thị Bích	Hậu	27/07/2011	Nữ	10/6	
15	50000064	Nguyễn Thị Kim	Hiền	29/07/2011	Nữ	10/5	
16	50000067	Lê Nguyễn Đức	Hiếu	12/09/2011	Nam	10/6	
17	50000070	Nguyễn Trung	Hiếu	18/02/2011	Nam	10/6	
18	50000074	Lê Văn Tuấn	Hoàng	15/07/2011	Nam	10/5	
19	50000082	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	28/06/2011	Nữ	10/5	
20	50000083	Nguyễn Thị Minh	Huyền	20/04/2011	Nữ	10/6	
21	50000091	Bùi Nguyễn Đăng	Khoa	19/05/2011	Nam	10/5	
22	50000094	Nguyễn Văn Duy	Khoa	20/08/2011	Nam	10/6	

Danh sách này có 22 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 11

Khối 10-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027

MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	50000095	Phan Anh	Khoa	09/05/2011	Nam	10/6	
2	50000099	Trần Anh	Khôi	20/07/2011	Nam	10/6	
3	50000100	Trương Thị Mai	Khôi	16/11/2011	Nữ	10/6	
4	50000104	Hồ Quang	Kiệt	20/02/2011	Nam	10/6	
5	50000105	Huỳnh Đức Quốc	Kiệt	02/04/2011	Nam	10/6	
6	50000106	Nguyễn Thái Anh	Kiệt	16/08/2011	Nam	10/5	
7	50000108	Huỳnh Gia	Lam	17/09/2011	Nữ	10/5	
8	50000109	Lê Phạm Hoàng	Lan	29/12/2011	Nữ	10/5	
9	50000118	Lương Ngô Thùy	Linh	03/12/2011	Nữ	10/6	
10	50000125	Trần Quốc	Linh	27/11/2011	Nam	10/5	
11	50000132	Trần Phi	Long	17/08/2011	Nam	10/5	
12	50000140	Trịnh Thảo	Ly	19/07/2011	Nữ	10/6	
13	50000141	Lê Thị Kim	Lý	23/08/2011	Nữ	10/5	
14	50000150	Nguyễn Trương Quỳnh	My	15/10/2011	Nữ	10/6	
15	50000151	Phạm Nguyễn Trà	My	15/09/2011	Nữ	10/6	
16	50000155	Võ Nguyễn Anh	Na	02/07/2011	Nam	10/5	
17	50000156	Võ Nguyễn Duy	Na	02/07/2011	Nam	10/5	
18	50000157	Nguyễn Lê Anh	Nam	04/06/2011	Nam	10/5	
19	50000162	Huỳnh Lê Bảo	Ngân	07/07/2011	Nữ	10/6	
20	50000165	Huỳnh Thị Thu	Ngân	20/08/2011	Nữ	10/5	
21	50000166	Lê Hoàng	Ngân	24/05/2011	Nữ	10/5	
22	50000170	Nguyễn Trọng	Nghĩa	13/08/2011	Nam	10/6	
23	50000173	Võ Trọng	Nghĩa	16/02/2011	Nam	10/6	

Danh sách này có 23 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 12

Khối 10-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027

MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	50000177	Nguyễn Bảo	Ngọc	31/08/2011	Nữ	10/6	
2	50000186	Trương Thị Kim	Nguyên	16/08/2011	Nữ	10/5	
3	50000191	Phạm Hoàng	Nhân	25/04/2011	Nam	10/5	
4	50000196	Huỳnh Thị Yến	Nhi	09/07/2011	Nữ	10/5	
5	50000201	Trần Lê Bảo	Nhi	19/04/2011	Nữ	10/5	
6	50000203	Đinh Nữ Quỳnh	Như	13/10/2011	Nữ	10/6	
7	50000204	Hồ Thị Quỳnh	Như	11/09/2011	Nữ	10/5	
8	50000205	Phạm Quỳnh Khánh	Như	21/05/2011	Nữ	10/6	
9	50000206	Phạm Thị Ngọc	Như	11/04/2011	Nữ	10/6	
10	50000213	Nguyễn Nho Long	Phi	15/01/2011	Nam	10/5	
11	50000214	Nguyễn Thị Diệu	Phi	10/01/2011	Nữ	10/6	
12	50000240	Lê Hồng	Sơn	27/11/2011	Nam	10/5	
13	50000246	Nguyễn Ngọc	Thạch	30/09/2011	Nam	10/6	
14	50000248	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	13/01/2011	Nữ	10/5	
15	50000254	Bùi Thị	Thắm	10/08/2011	Nữ	10/5	
16	50000264	Phạm Đức	Thịnh	29/07/2011	Nam	10/6	
17	50000265	Trần Thị Như	Thịnh	28/02/2011	Nữ	10/5	
18	50000270	Nguyễn Anh	Thư	19/09/2011	Nữ	10/6	
19	50000271	Phạm Đặng Anh	Thư	17/06/2011	Nữ	10/5	
20	50000280	Võ Thị Cẩm	Tiên	03/09/2011	Nữ	10/6	
21	50000281	Ngô Tấn	Tiến	31/01/2011	Nam	10/5	
22	50000284	Nguyễn Đặng Thanh	Tình	01/09/2011	Nữ	10/5	
23	50000287	Nguyễn Thị Thanh	Trà	15/09/2011	Nữ	10/5	

Danh sách này có 23 thí sinh./.

SỞ GDĐT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT TRẦN VĂN DƯ

DANH SÁCH THÍ SINH THEO PHÒNG KIỂM TRA-PHÒNG 13

Khối 10-Giữa kỳ 1, Năm học: 2026-2027

MÔN: CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP

STT	Số báo danh	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Ghi chú
1	50000290	Võ Thị Thu	Trang	11/06/2011	Nữ	10/6	
2	50000291	Đinh Lương Anh	Trâm	21/09/2011	Nữ	10/5	
3	50000293	Nguyễn Lương Khánh	Trâm	08/06/2011	Nữ	10/5	
4	50000295	Trần Ngọc Thùy	Trâm	03/07/2011	Nữ	10/6	
5	50000296	Võ Thị Thanh	Trâm	29/06/2011	Nữ	10/6	
6	50000298	Đặng Bảo	Trân	04/02/2011	Nữ	10/5	
7	50000304	Đoàn Văn	Trọng	27/05/2011	Nam	10/6	
8	50000306	Lư Thị Thanh	Trúc	05/05/2011	Nữ	10/6	
9	50000308	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	30/09/2011	Nữ	10/6	
10	50000309	Nguyễn Võ Anh	Trúc	24/03/2011	Nữ	10/6	
11	50000310	Phạm Nguyễn Thanh	Trúc	20/11/2011	Nữ	10/6	
12	50000313	Lê Phi	Trường	29/07/2011	Nam	10/5	
13	50000314	Lê Thanh	Tú	25/12/2011	Nam	10/5	
14	50000321	Đoàn Thị Thanh	Tuyền	11/08/2011	Nữ	10/6	
15	50000329	Đặng Đức Anh	Văn	01/09/2011	Nam	10/5	
16	50000334	Nguyễn Phan Thảo	Vi	01/12/2011	Nữ	10/5	
17	50000335	Thái Thị Yến	Vi	04/10/2011	Nữ	10/5	
18	50000338	Ngô Văn	Việt	27/07/2011	Nam	10/5	
19	50000340	Hồ Hoàng Quốc	Vinh	09/10/2011	Nam	10/6	
20	50000345	Nguyễn Trọng	Vương	30/11/2009	Nam	10/6	
21	50000347	Cao Bùi Yến	Vy	10/10/2009	Nữ	10/5	
22	50000348	Đỗ Phương	Vy	26/03/2011	Nữ	10/6	
23	50000356	Trương Thị Khánh	Yên	19/02/2011	Nữ	10/5	

Danh sách này có 23 thí sinh./.